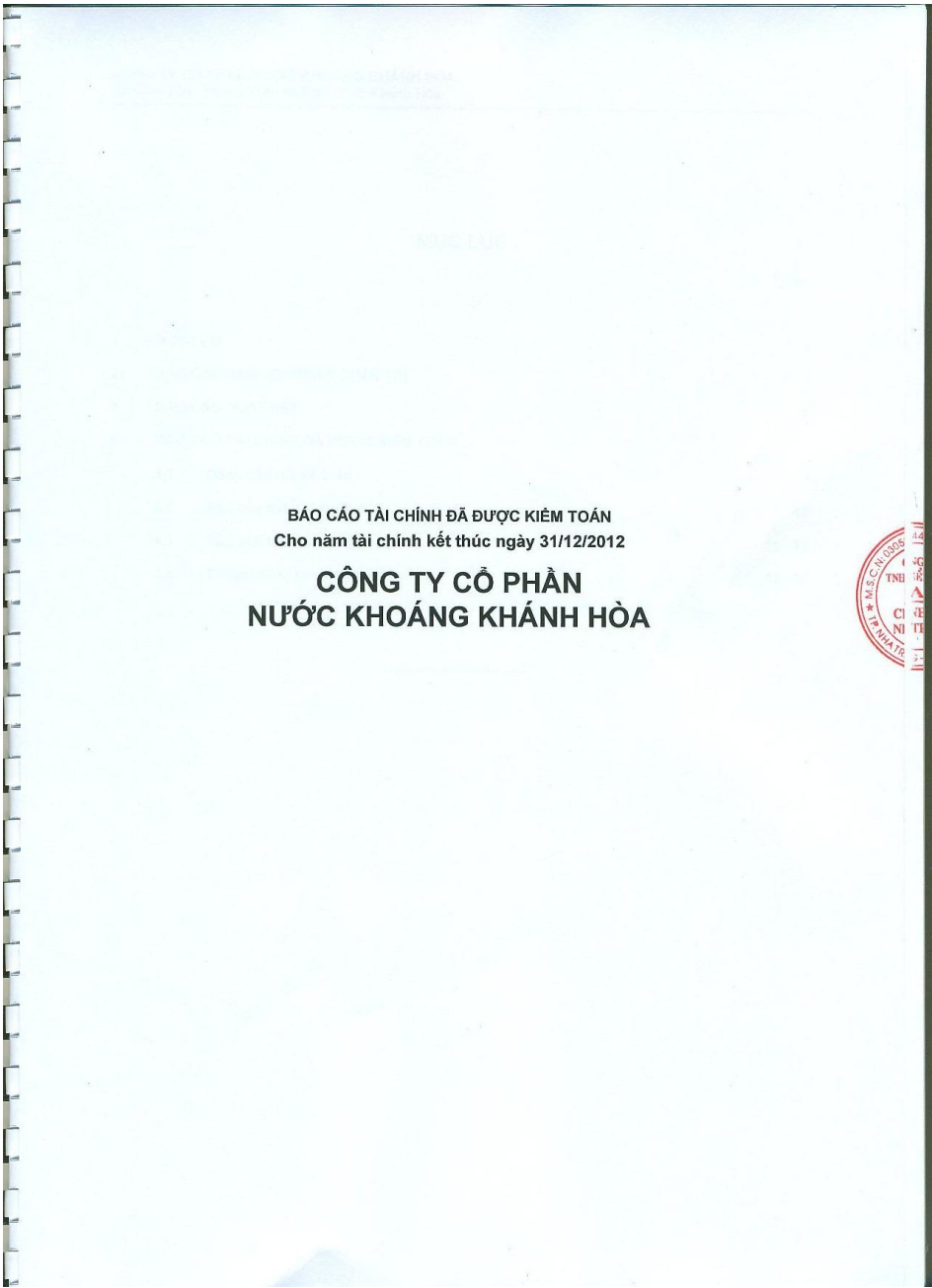


Warning: Cannot modify header information - headers already sent by (output started at /home/danhth/public_html/header.php:47) in /home/danhth/public_html/modules/news.php on line 349

[Trang chủ](#)[Liên hệ](#)[SITE MAP](#)[Giỏ hàng](#)[Giới thiệu](#)[Sản phẩm & Dịch vụ](#)[Tin tức](#)[» Tin tức Cổ đông](#)[» Tin từ Vikoda](#)[» Nước khoáng Đánh Thạnh - Vikoda với "Chất lượng vì cuộc sống"](#)[» Dòng sản phẩm nước giải khát sản xuất từ nước khoáng Đánh Thạnh](#)[» Tuyển dụng nhân sự](#)[» Quảng cáo](#)[» Hội chợ](#)[» Tài trợ](#)[» Đội Bóng chuyền bãi biển](#)[VIKODA - KHÁNH HÓA](#)[Hệ thống phân phối](#)[Tin tức » Tin tức Cổ đông](#)[Báo cáo kiểm toán năm 2012](#) (28/03/2013)

Lượt truy cập: 376633

-- Liên kết website --



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA
Xã Diên Tân - Huyện Diên Khánh - Tỉnh Khánh Hòa

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
1. MỤC LỤC	1
2. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2 - 4
3. BÁO CÁO SOÁT XÉT	5
4. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
4.1 Bảng cân đối kế toán	6 - 9
4.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
4.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
4.4 Thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 28

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA
Xã Diên Tân - Huyện Diên Khánh - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa ("Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Nước khoáng Khánh Hòa theo Quyết định số 190/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4200283916 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu vào ngày 09 tháng 6 năm 2006 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đăng ký thay đổi sau đó. Công ty đã bốn lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Hiện Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế thay đổi lần thứ 4 vào ngày 18 tháng 6 năm 2009.

Vốn điều lệ Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4 là 21.600.000.000 đồng.

Trong đó :

Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước	:	11.133.600.000 đồng	51,54%
Vốn cổ đông khác	:	10.466.400.000 đồng	48,46%

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Thôn Cây Sung, Xã Diên Tân, Huyện Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại : 058 378 3359 Fax : 058 378 3372

E-mail : danhthanh@dng.vnn.vn Website : <http://www.danhthanh.com.vn>

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 18 tháng 6 năm 2009 bao gồm: Sản xuất đồ uống không cồn. Sản xuất nước khoáng thiên nhiên đóng chai; Mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình. Mua bán thực phẩm. Mua bán khí đốt và các sản phẩm của chúng. Mua bán thiết bị văn phòng, máy văn phòng. Mua bán đồ uống không có cồn; Khách sạn; Nhà hàng ăn uống; Kinh doanh dịch vụ vận tải; Kinh doanh bất động sản (trừ dịch vụ môi giới bất động sản, đấu giá bất động sản, dịch vụ sân giao dịch bất động sản); Kinh doanh dịch vụ thương mại tổng hợp, mua bán hàng hóa trong siêu thị; Khai thác nước khoáng thiên nhiên.

Các đơn vị trực thuộc Công ty:

► **Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh**

Địa chỉ : Số 48 đường Nguyễn Xuân Khoát, phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

► **Chi nhánh tại Quảng Ngãi**

Địa chỉ : Số 221 đường Nguyễn Du, phường Nghĩa Chánh, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

► **Chi nhánh tại Phú Yên**

Địa chỉ : Số 09 Nguyễn Công Trứ, phường 1, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

► **Chi nhánh tại Đắk Lắk**

Địa chỉ : Số 76 đường Ama Khê, phường Tân Lập, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

► **Chi nhánh tại Lâm Đồng**

Địa chỉ : Số 63 Tôn Thất Tùng, phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 6 đến trang 28).

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA
Xã Diên Tân - Huyện Diên Khánh - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Hội đồng quản trị khẳng định không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Đình Khương	Chủ tịch	24/05/2011	
Ông Trần Hà	Ủy viên	24/05/2011	
Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Ủy viên	24/05/2011	
Ông Nguyễn Đình An	Ủy viên	24/05/2011	
Bà Đỗ Thanh Hương	Ủy viên	24/05/2011	
Ban kiểm soát			
Ông Đỗ Hữu Cường	Trưởng ban	24/05/2011	27/04/2012
Bà Trần Thị Thu Hà	Trưởng ban	27/04/2012	
Bà Trần Thị Thu Hà	Ủy viên	24/05/2011	27/04/2012
Ông Phạm Diên Trung	Ủy viên	24/05/2011	27/04/2012
Ông Võ Huy Đình	Ủy viên	27/04/2012	
Ông Hồ Nguyễn Duy Khương	Ủy viên	27/04/2012	
Ban Giám đốc			
Ông Phạm Đình Khương	Giám đốc	20/06/2006	
Ông Trần Hà	Phó Giám đốc	20/06/2006	
Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Phó Giám đốc	20/06/2006	
Ông Nguyễn Văn Trung	Kế toán trưởng	20/06/2006	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán FAC đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, FAC bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng kỳ kế toán. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cần phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA
Xã Diên Tân - Huyện Diên Khánh - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.


PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, các thành viên Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Hội đồng quản trị



Phạm Đình Khương
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Khánh Hòa, ngày 15 tháng 3 năm 2013



FAC
Auditing & Consulting
www.kiemtoan.net.vn

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC

Tru sở chính : 39/3L Phạm Văn Chiêu, P.8, Quận Gò Vấp, Tp. HCM.
 Văn Phòng Giao Dịch : 64C18 K300 (Cộng Hòa), P.12, Quận Tân Bình.
 Chi nhánh Nha Trang : 07 Văn Đồn - Phường Phước Hòa - Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.
 Chi nhánh Đà Nẵng : 89 Phạm Văn Bạch - Quận Hải Châu - TP. Đà Nẵng.
 Chi nhánh Vũng Tàu : 189 Trương Công Định - Tp. Vũng Tàu - Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

FAC AUDITING CO., LTD

Tel : (09) 3 948 3100 Fax : (09) 3 948 3102
 Tel : (0-58) 3 872 355 Fax : (0-58) 3 872 344
 Tel : (0-511) 3638 068 Fax : (0-511) 3638 768
 Tel : (0-64) 2 210 287 Fax : (0-64) 6 253 070

Số : 021/2013/BCTC-FACT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
 Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 của Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa

Kính gửi : Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa ("Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, được lập ngày 15 tháng 3 năm 2013, từ trang 6 đến trang 28 kèm theo.


Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác và Báo cáo kiểm toán của công ty này đề ngày 26 tháng 3 năm 2012 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.


Cơ sở ý kiến
 Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên
 Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan..

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC
CHI NHÁNH NHA TRANG



Nguyễn Thịnh - Giám đốc
 Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0473/KTV
 Khánh Hòa, ngày 15 tháng 3 năm 2013



Nguyễn Minh Trí - Kiểm toán viên
 Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0982/KTV

5

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA
Xã Diên Tân - Huyện Diên Khánh - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		33.111.740.499	22.974.323.197
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	IV. 1	21.042.969.560	11.895.928.998
1. Tiền	111		9.442.969.560	3.795.928.998
2. Các khoản tương đương tiền	112		11.600.000.000	8.100.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		800.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	IV. 2	800.000.000	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.526.934.382	3.966.761.765
1. Phải thu khách hàng	131	IV. 3	3.754.021.254	3.952.164.989
2. Trả trước cho người bán	132	IV. 4	86.121.148	498.110.909
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	IV. 5	525.357.440	357.321.718
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	IV. 6	(838.565.460)	(840.835.831)
IV. Hàng tồn kho	140		6.901.947.666	6.297.308.100
1. Hàng tồn kho	141	IV. 7	6.901.947.666	6.297.308.100
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		839.888.891	814.324.334
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	IV. 8	277.105.211	301.906.654
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	IV. 9	562.783.680	512.417.680

Báo cáo này phải được đọc cùng với Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ

6

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA
Xã Diên Tân - Huyện Diên Khánh - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Mẫu B 01-DN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		26.097.209.573	31.409.667.579
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		19.161.770.635	21.590.578.415
1. Tài sản cố định hữu hình	221	IV. 10	14.402.397.044	16.793.261.504
<i>Nguyên giá</i>	222		65.103.636.443	64.407.650.079
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(50.701.239.399)	(47.614.388.575)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	IV. 11	4.759.373.591	4.797.316.911
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		6.935.438.938	9.819.089.164
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	IV. 12	6.935.438.938	9.819.089.164
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		59.208.950.072	54.383.990.776

Báo cáo này phải được đọc cùng với Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ

7

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA
Xã Diên Tân - Huyện Diên Khánh - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Mẫu B 01-DN	
			31/12/2012	01/01/2012
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		24.506.021.911	24.303.764.950
I. Nợ ngắn hạn	310		19.346.831.567	13.179.347.566
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	IV. 13	7.353.734.845	6.693.490.562
3. Người mua trả tiền trước	313	IV. 14	352.417.885	371.672.972
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	IV. 15	1.359.369.327	494.815.840
5. Phải trả người lao động	315		8.125.345.059	4.332.449.177
6. Chi phí phải trả	316	IV. 16	632.114.012	283.020.218
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	IV. 17	262.030.275	180.933.499
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quý khen thưởng, phúc lợi	323	IV. 18	1.261.820.164	822.965.298
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		5.159.190.344	11.124.417.384
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	IV. 19	5.159.190.344	5.075.794.144
4. Vay và nợ dài hạn	334	IV. 20	-	5.907.051.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	141.572.240
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		34.702.928.161	30.080.225.826
I. Vốn chủ sở hữu	410		34.702.928.161	30.080.225.826
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	IV. 21	21.600.000.000	21.600.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	IV. 21	-	(175.395)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	IV. 21	6.468.845.354	4.611.298.741
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	IV. 21	2.102.771.920	1.640.305.841
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	IV. 21	4.531.310.887	2.228.796.639
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		59.208.950.072	54.383.990.776

Báo cáo này phải được đọc cùng với Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA
Xã Diên Tân - Huyện Diên Khánh - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Mẫu B 01-DN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	
	31/12/2012	01/01/2012
1. Tài sản thuê ngoài	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
5. Ngoại tệ các loại	-	-
Dollar Mỹ (USD)	106,93	118,81
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-

Khánh Hòa, ngày 15 tháng 3 năm 2013



Nguyễn Văn Trung
Kế toán trưởng



Phạm Đình Khương
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA
Xã Diên Tân - Huyện Diên Khánh - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Mẫu B 02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2012	2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V. 1	128.647.634.620	104.106.280.261
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	V. 1	1.265.611.253	3.784.783.145
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V. 1	127.382.023.367	100.321.497.116
4. Giá vốn hàng bán	11	V. 2	89.270.994.575	70.974.601.626
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		38.111.028.792	29.346.895.490
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V. 3	1.313.616.136	1.215.143.175
7. Chi phí tài chính	22	V. 4	802.072.091	1.677.596.480
Trong đó: chi phí lãi vay	23		523.647.250	1.472.201.817
8. Chi phí bán hàng	24	V. 5	20.557.772.403	15.692.491.213
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V. 6	7.877.522.992	6.203.043.594
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.187.277.442	6.988.907.378
11. Thu nhập khác	31	V. 7	1.430.390.603	960.405.165
12. Chi phí khác	32	V. 8	319.972.184	195.167.880
13. Lợi nhuận khác	40		1.110.418.419	765.237.285
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.297.695.861	7.754.144.663
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V. 9	956.108.829	908.849.761
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10.341.587.032	6.845.294.902
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V. 10	4.788	3.169

Khánh Hòa, ngày 15 tháng 3 năm 2013



Nguyễn Văn Trung
Kế toán trưởng



Phạm Đình Khuong
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Báo cáo này phải được đọc cùng với Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA
Xã Diên Tân - Huyện Diên Khánh - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Mẫu B 03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2012	2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		11.297.695.861	7.754.144.663
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	IV. 10	3.711.850.824	3.763.854.025
- Các khoản dự phòng	03		107.775.502	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.700.870.682)	(1.215.143.175)
- Chi phí lãi vay	06	V. 4	523.647.250	1.472.201.817
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		13.940.098.755	11.775.057.330
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		403.442.754	(1.447.497.424)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(604.639.566)	354.007.958
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		5.612.378.763	1.496.471.018
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.908.451.669	1.210.578.186
- Tiền lãi vay đã trả	13		(523.647.250)	(1.472.201.817)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.146.252.019)	(798.969.732)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		99.146.200	750.084.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(912.899.777)	(555.846.869)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		19.776.079.529	11.311.682.650
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.283.043.044)	(6.348.594.911)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V. 7	387.254.546	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	IV. 2	(800.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.301.905.136	1.174.862.843
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(393.883.362)	(5.173.732.068)

Báo cáo này phải được đọc cùng với Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ

11

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA
Xã Diên Tân - Huyện Diên Khánh - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Mẫu B 03-DN


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2012	2011
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn vốn chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33 IV. 20		-	4.500.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34 IV. 20		(5.907.051.000)	(9.360.796.000)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36 IV. 21		(4.328.280.000)	(5.381.880.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(10.235.331.000)	(10.242.676.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		9.146.865.167	(4.104.725.418)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 IV. 1		11.895.928.998	16.000.829.811
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		175.395	(175.395)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 IV. 1		21.042.969.560	11.895.928.998

Khánh Hòa, ngày 15 tháng 3 năm 2013



Nguyễn Văn Trung
Kế toán trưởng




Phạm Đình Khương
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA
Xã Diên Tân - Huyện Diên Khánh - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

1. Giấy phép hoạt động

Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa ("Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Nước khoáng Khánh Hòa theo Quyết định số 190/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4200283916 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu vào ngày 09 tháng 6 năm 2006 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đăng ký thay đổi sau đó. Công ty đã bốn lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Hiện Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế thay đổi lần thứ 4 vào ngày 18 tháng 6 năm 2009.

Vốn điều lệ Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4 là 21.600.000.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 18 tháng 6 năm 2009 bao gồm: Sản xuất đồ uống không cồn. Sản xuất nước khoáng thiên nhiên đóng chai; Mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình. Mua bán thực phẩm. Mua bán khí đốt và các sản phẩm của chúng. Mua bán thiết bị văn phòng, máy văn phòng. Mua bán đồ uống không có cồn; Khách sạn; Nhà hàng ăn uống; Kinh doanh dịch vụ vận tải; Kinh doanh bất động sản (trừ dịch vụ môi giới bất động sản, đấu giá bất động sản, dịch vụ sàn giao dịch bất động sản); Kinh doanh dịch vụ thương mại tổng hợp, mua bán hàng hóa trong siêu thị; Khai thác nước khoáng thiên nhiên.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Thôn Cây Sung, Xã Diên Tân, Huyện Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa.

Số lượng cán bộ và nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là: 325 người (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 323 người).

Các đơn vị trực thuộc Công ty:

- ▶ **Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh**
Địa chỉ : Số 48 đường Nguyễn Xuân Khoát, phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.
- ▶ **Chi nhánh tại Quảng Ngãi**
Địa chỉ : Số 221 đường Nguyễn Du, phường Nghĩa Chánh, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
- ▶ **Chi nhánh tại Phú Yên**
Địa chỉ : Số 09 Nguyễn Công Trứ, phường 1, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.
- ▶ **Chi nhánh tại Đắk Lắk**
Địa chỉ : Số 76 đường Ama Khê, phường Tân Lập, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.
- ▶ **Chi nhánh tại Lâm Đồng**
Địa chỉ : Số 63 Tôn Thất Tùng, phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Phạm Đình Khương	Chủ tịch	24/05/2011
Ông Trần Hà	Ủy viên	24/05/2011
Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Ủy viên	24/05/2011
Ông Nguyễn Đình An	Ủy viên	24/05/2011
Bà Đỗ Thanh Hương	Ủy viên	24/05/2011

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính giữa niên độ

13

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA
Xã Diên Tân - Huyện Diên Khánh - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012
Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

II. CƠ SỞ TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Chế độ Kế toán và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày phù hợp với Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là chứng từ ghi sổ.

3. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Thay đổi chính sách kế toán

Công ty đã áp dụng Chuẩn mực kế toán số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái thay thế cho việc áp dụng Thông tư 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái ("Thông tư 201") về các nghiệp vụ bằng ngoại tệ và đã áp dụng nhất quán trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012. Công ty không áp dụng hồi tố cho việc thay đổi này vì Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng, mức độ ảnh hưởng của việc phải áp dụng hồi tố đến Báo cáo tài chính là không trọng yếu.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính giữa niên độ



4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

6. Khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc và thiết bị	07 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư các dự án, xây dựng các hạng mục công trình mà chưa hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính, như chi phí giao thầu xây dựng, mua sắm máy móc thiết bị, chi phí khảo sát, thiết kế và các chi phí khác.

10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

11. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

KẾ TÍNH TOÁN

12. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá ngân hàng thương mại tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần là số chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu, trừ đi chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu.
- Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.
- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại ngày cuối năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị đúng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập hoãn lại phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc các đơn vị chịu thuế khác nhau dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính giữa niên độ

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu từ bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và quyền sở hữu của hàng hóa được chuyển giao cho người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.
- Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối năm.
- Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.
- Tiền lãi được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

16. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính giữ sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các loại tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt và các loại tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và các khoản nợ tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các loại nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm nợ phải trả người bán, nợ phải trả khác, các khoản vay và nợ.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Báo cáo tài chính nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thì hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan với Công ty được trình bày ở thuyết minh số VI.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA
Xã Diên Tân - Huyện Diên Khánh - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012
Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
Tiền mặt tại quỹ	3.340.656.783	1.041.057.339
Tiền gửi ngân hàng	5.588.812.777	2.322.812.217
Tiền đang chuyển	513.500.000	432.059.442
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn tính đến ngày đáo hạn dưới 3 tháng)	11.600.000.000	8.100.000.000
Cộng	<u>21.042.969.560</u>	<u>11.895.928.998</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
Tiền gửi kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa.	800.000.000	-
Cộng	<u>800.000.000</u>	<u>-</u>

3. Phải thu của khách hàng

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
Trạm Phương Cầu	877.858.340	841.842.416
Các khách hàng Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	334.078.875	284.335.140
DNTN Hồng Tâm	184.721.241	-
Các khách hàng Chi nhánh Lâm Đồng	108.324.188	297.807.429
Công ty TNHH Tuấn Tuyết	106.149.999	-
Các khách hàng khác	2.142.888.611	2.528.179.984
Cộng	<u>3.754.021.254</u>	<u>3.952.164.969</u>

4. Trả trước cho người bán

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
Trả trước cho các nhà thầu về mua sắm tài sản cố định và đầu tư xây dựng cơ bản	57.485.478	57.485.478
Trả trước cho các nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ phục vụ cho hoạt động kinh doanh	28.635.670	440.625.431
Cộng	<u>86.121.148</u>	<u>498.110.909</u>

5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	207.750.000	196.039.000
Các khoản khác	317.607.440	161.282.718
Cộng	<u>525.357.440</u>	<u>357.321.718</u>

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
Dự phòng các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến 2 năm	37.912.993	43.618.324
Dự phòng các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến 3 năm	1.049.979	152.777.185
Dự phòng các khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm	799.602.488	644.440.322
Cộng	<u>838.565.460</u>	<u>840.835.831</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA
Xã Diên Tân - Huyện Diên Khánh - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012
Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho	31/12/2012	01/01/2012
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	4.966.059.049	4.504.826.751
Công cụ dụng cụ	311.904.939	124.175.662
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	209.200.000	-
Thành phẩm	1.414.783.678	1.668.305.687
Cộng	6.901.947.666	6.297.308.100

8. Chi phí trả trước ngắn hạn	Năm 2012	Năm 2011
Tại ngày 01/01	301.906.654	184.449.564
Phát sinh tăng	747.785.919	733.692.051
Kết chuyển vào chi phí	(772.587.362)	(616.234.961)
Tại ngày 31/12	277.105.211	301.906.654

9. Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2012	01/01/2012
Tạm ứng chi phí công tác cho cán bộ công nhân viên	513.095.880	462.729.880
Kỳ quỹ, ký cược ngắn hạn	49.687.800	49.687.800
Cộng	562.783.680	512.417.680

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, đồ dùng quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Tại 01/01/2012	13.823.160.324	45.938.340.573	3.563.960.188	1.082.188.994	64.407.650.079
Đầu tư hoàn thành	-	163.636.364	1.106.068.182	51.281.818	1.320.986.364
Thanh lý	-	-	(625.000.000)	-	(625.000.000)
Tại 31/12/2012	13.823.160.324	46.101.976.937	4.045.028.370	1.133.470.812	65.103.636.443
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	7.718.621.029	32.630.410.287	1.858.260.733	995.843.539	43.203.135.588
Hao mòn lũy kế					
Tại 01/01/2012	11.598.649.247	32.293.031.995	2.754.446.227	968.261.106	47.614.388.575
Trích khấu hao	497.081.772	3.010.098.447	130.507.871	74.162.734	3.711.850.824
Thanh lý	-	-	(625.000.000)	-	(625.000.000)
Tại 31/12/2012	12.095.731.019	35.303.130.442	2.259.954.098	1.042.423.840	50.701.239.399
Giá trị còn lại					
Tại 01/01/2012	2.224.511.077	13.645.308.578	809.513.961	113.927.888	16.793.261.504
Tại 31/12/2012	1.727.429.305	10.798.846.495	1.785.074.272	91.046.972	14.402.397.044

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2012	01/01/2012
Công trình Nhà máy nước khoáng tại Khu công nghiệp Suối Dầu	3.556.206.410	3.556.206.410
Công trình Khách sạn Vikoda	1.117.188.910	1.117.188.910
Các công trình khác	85.978.271	123.921.591
Cộng	4.759.373.591	4.797.316.911

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA
Xã Diên Tân - Huyện Diên Khánh - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012
Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại 01/01/2012	Tăng trong năm	Phân bổ chi phí	Tại 31/12/2012
Vỏ chai, kết nhựa	9.798.634.618	5.211.130.038	8.087.962.080	6.921.802.576
Chi phí nhãn hiệu hàng hóa	20.454.546	-	6.818.184	13.636.362
Cộng	9.819.089.164	5.211.130.038	8.094.780.264	6.935.438.938

13. Phải trả cho người bán

	31/12/2012	01/01/2012
Phải cho các nhà thầu, nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động đầu tư tài sản cố định của Công ty:		
- Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Suối Dầu	1.289.856.835	1.289.856.835
- Các nhà cung cấp khác	203.856.835	203.856.835
Phải cho các nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty	6.063.878.010	5.403.633.727
- Công ty TNHH Công nghiệp KCP Việt Nam	2.499.900.000	1.853.500.000
- Công ty Cổ phần Công nghiệp DVTM Ngọc Nghĩa	994.072.750	-
- Công ty TNHH Huy Tân	514.250.000	-
- Công ty Cổ phần Nhựa 2/4	484.736.979	686.982.355
- Các nhà cung cấp khác	1.570.918.281	2.863.151.372
Cộng	7.353.734.845	6.693.490.562

14. Người mua trả tiền trước

	31/12/2012	01/01/2012
Khách hàng trả trước về tiền mua hàng	352.417.885	371.672.972
Cộng	352.417.885	371.672.972

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Tình hình thực hiện nghĩa vụ Thuế và các khoản nộp Ngân sách Nhà nước của Công ty trong năm như sau :

	Tại 01/01/2012	Số phải nộp	Số đã nộp	Tại 31/12/2012
Thuế GTGT hàng bán nội địa	200.362.324	6.192.356.049	5.319.361.906	1.073.356.467
Thuế thu nhập doanh nghiệp	231.556.064	1.128.687.827	1.146.252.019	213.991.872
Thuế thu nhập cá nhân	38.047.452	160.716.979	172.858.963	25.905.468
Thuế tài nguyên	19.880.000	460.770.240	444.062.720	36.587.520
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	325.100.700	325.100.700	-
Các loại thuế khác	-	12.935.000	12.935.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	4.970.000	102.831.000	98.273.000	9.528.000
Cộng	494.815.840	8.383.397.795	7.518.844.308	1.359.369.327

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các sản phẩm và dịch vụ của Công ty là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh III.14 và thuyết minh V.9.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định.

Việc xác định nghĩa vụ thuế các loại phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Số thuế phải nộp theo quyết toán thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của Cơ quan có thẩm quyền, do đó số thuế trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra các khoản phải nộp Ngân sách nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA
Xã Diên Tân - Huyện Diên Khánh - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012
Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
16. Chi phí phải trả		
Chiết khấu thương mại	153.974.810	-
Trích trước chi phí hoạt động kinh doanh	<u>478.139.202</u>	<u>283.020.218</u>
Cộng	<u>632.114.012</u>	<u>283.020.218</u>
17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
Kinh phí công đoàn	93.175.696	60.364.812
Cổ tức phải trả	33.240.000	41.520.000
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	109.974.492	46.694.845
Các khoản khác	<u>25.640.087</u>	<u>32.353.842</u>
Cộng	<u>262.030.275</u>	<u>180.933.499</u>
18. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		
	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
Số dư tại 01/01	822.965.298	676.772.481
Trích quỹ từ lợi nhuận	1.059.047.320	701.839.686
Tặng khác	15.750.000	200.000
Chi khen thưởng, phúc lợi	(635.420.130)	(551.633.000)
Giảm khác	<u>(522.324)</u>	<u>(4.213.869)</u>
Số dư tại 31/12	<u>1.261.820.164</u>	<u>822.965.298</u>
19. Phải trả dài hạn khác		
	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn vô chại, kết nhựa của khách hàng	<u>5.159.190.344</u>	<u>5.075.794.144</u>
Cộng	<u>5.159.190.344</u>	<u>5.075.794.144</u>
20. Vay và nợ dài hạn		
	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
Số dư tại 01/01	5.907.051.000	7.767.847.000
Tiền vay trong năm	-	1.000.000.000
Trả nợ vay trong năm	<u>(5.907.051.000)</u>	<u>(1.960.282.000)</u>
Số dư tại 31/12	<u>-</u>	<u>6.807.565.000</u>

Các khoản vay tại Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Diên Khánh để mua bao bì, kết nhựa. Thời hạn vay là 5 năm, áp dụng lãi suất thả nổi bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau do Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Khánh Hòa công bố, công biên độ tối thiểu 0,5% /tháng nhưng không vượt quá lãi suất tối đa do Tổng Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam quy định tại thời điểm điều chỉnh. Các khoản vay này một phần không có đảm bảo bằng tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA
Xã Diên Tân - Huyện Diên Khánh - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012
Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu

Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá	Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế	Tổng cộng
Tại 01/01/2011	21.600.000.000	(425.655)	3.244.078.205	1.333.825.629	3.359.730.298	29.537.208.477
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá năm trước	-	425.655	-	-	-	425.655
Lợi nhuận sau thuế năm 2011	-	-	-	-	6.845.294.902	6.845.294.902
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2011	-	-	1.367.220.536	306.480.212	(2.375.540.434)	(701.839.686)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(5.400.000.000)	(5.400.000.000)
Thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	-	(183.888.127)	(183.888.127)
Chênh lệch tỷ giá	-	(175.395)	-	-	-	(175.395)
Giảm khác	-	-	-	-	(16.800.000)	(16.800.000)
Tại 31/12/2011	21.600.000.000	(175.395)	4.611.298.741	1.640.305.841	2.228.796.639	30.080.225.826
Tại 01/01/2012	21.600.000.000	(175.395)	4.611.298.741	1.640.305.841	2.228.796.639	30.080.225.826
Lợi nhuận sau thuế năm 2012	-	-	-	-	10.341.587.032	10.341.587.032
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá năm trước	-	175.395	-	-	-	175.395
Chia cổ tức	-	-	-	-	(4.320.000.000)	(4.320.000.000)
Trích các quỹ từ lợi nhuận trong năm	-	-	1.857.546.813	462.466.079	(3.379.060.012)	(1.059.047.320)
Thù lao, khen thưởng HĐQT, BKS	-	-	-	-	(277.479.847)	(277.479.847)
Điều chỉnh theo kết quả kiểm toán và thanh tra thuế	-	-	-	-	(62.533.125)	(62.533.125)
Tại 31/12/2012	21.600.000.000	-	6.468.845.354	2.102.771.920	4.531.310.887	34.702.928.161

Cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu ưu đãi

	31/12/2012	01/01/2012
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.160.000	2.160.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.160.000	2.160.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.160.000	2.160.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.160.000	2.160.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.160.000	2.160.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

Cổ tức

Tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 27 tháng 4 năm 2012, Đại hội đồng Cổ đông đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011. Theo đó tỷ lệ chia cổ tức là 20%/ vốn điều lệ. Đại hội cũng thông qua kế hoạch về tỷ lệ chia cổ tức cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 20%/ vốn điều lệ.

Cổ tức đã trả

	Năm 2012	Năm 2011
Chi cổ tức các năm trước	2.169.960.000	3.229.740.000
Chi cổ tức năm nay	2.158.320.000	2.152.140.000
Cộng	4.328.280.000	5.381.880.000

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA
Xã Diên Tân - Huyện Diên Khánh - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012
Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2012	Năm 2011
Tổng doanh thu	128.647.634.620	104.106.280.261
Các khoản giảm trừ	1.265.611.253	3.784.783.145
- Chiết khấu thương mại	1.168.972.241	3.714.164.182
- Hàng bán bị trả lại	96.639.012	70.618.963
Doanh thu thuần bán thành phẩm	127.382.023.367	100.321.497.116

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn thành phẩm phát sinh trong năm chi tiết như sau:

	Năm 2012	Năm 2011
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	58.306.675.909	48.222.497.069
Chi phí nhân công trực tiếp	9.871.779.660	5.743.276.816
Chi phí sản xuất chung	21.705.358.364	17.718.788.538
Tổng chi phí sản xuất	89.883.813.933	71.684.562.423
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	(275.252.835)	-
Chênh lệch tồn kho thành phẩm	253.522.009	(557.574.478)
Thành phẩm nhập, xuất khác	(591.088.532)	(152.386.319)
Cộng	89.270.994.575	70.974.601.626

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2012	Năm 2011
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.211.718.178	1.079.385.379
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	101.897.958	135.757.796
Cộng	1.313.616.136	1.215.143.175

4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2012	Năm 2011
Chi phí lãi vay	523.647.250	1.472.201.817
Chiết khấu thanh toán	278.424.841	205.394.663
Cộng	802.072.091	1.677.596.480

5. Chi phí bán hàng

	Năm 2012	Năm 2011
Chi phí cho nhân viên	9.039.934.790	6.184.497.290
Chi phí vật liệu, công cụ	3.009.622.406	1.671.730.177
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.787.884	315.657
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.428.711.089	1.990.970.659
Chi phí khác	6.075.716.234	5.844.977.430
Cộng	20.557.772.403	15.692.491.213

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA
Xã Diên Tân - Huyện Diên Khánh - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012
Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
Chi phí cho nhân viên	4.068.305.351	2.785.010.271
Chi phí vật liệu, công cụ	179.064.541	133.349.491
Chi phí khấu hao tài sản cố định	516.364.711	560.007.082
Chi phí dịch vụ mua ngoài	501.888.501	501.749.087
Chi phí khác	2.611.899.888	2.222.927.663
Cộng	<u>7.877.522.992</u>	<u>6.203.043.594</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
Thu thanh lý tài sản cố định	387.254.546	-
Thu thanh lý vỏ chai, bình	579.792.154	603.504.825
Các khoản thu nhập khác	463.343.903	356.900.340
Cộng	<u>1.430.390.603</u>	<u>960.405.165</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
Tiền phạt hành chính	184.456.367	-
Chi phí thanh lý vỏ chai, bình	129.215.801	120.568.752
Các khoản chi phí khác	6.300.016	74.599.128
Cộng	<u>319.972.184</u>	<u>195.167.880</u>

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng đối với doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Theo đó, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% cho hoạt động sản xuất kinh doanh kể từ năm 2006 đến năm 2015, miễn thuế 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2006 và 2007) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 06 năm tiếp theo (từ năm 2008 đến năm 2013).

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho hoạt động khác với thuế suất 25%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	11.297.695.861	7.754.144.663
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng	190.456.367	74.598.328
Các khoản chi phí không được trừ	190.456.367	74.598.328
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	11.488.152.228	7.828.742.991
Thuế thu nhập doanh nghiệp tính theo thuế suất 25%	2.872.038.057	1.957.185.748
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng mức thuế suất khác mức thuế 25%	(509.363.872)	(349.445.329)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo quy định Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.018.727.745)	(698.890.658)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 30% theo Nghị định 60/ND-CP của Chính phủ	(387.837.611)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>956.108.829</u>	<u>908.849.761</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA
Xã Diên Tân - Huyện Diên Khánh - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012
Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2012	Năm 2011
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.341.587.032	6.845.294.902
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.341.587.032	6.845.294.902
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.160.000	2.160.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.788	3.169

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2012	Năm 2011
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	71.079.954.890	58.265.950.523
Chi phí nhân công	26.689.951.389	17.101.335.992
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.712.550.824	3.763.854.025
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.176.017.999	4.281.211.110
Chi phí khác bằng tiền	10.660.634.226	10.167.745.580
Cộng	118.319.109.328	93.580.097.230

VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	Công ty mẹ
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng	Thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các bên có liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan/Nội dung giao dịch	Năm 2012	Năm 2011
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước		
Chi trả cổ tức	2.226.720.000	2.783.400.000

Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Trích thù lao phải trả	277.479.647	183.888.127
Chi thù lao	214.200.000	294.100.000

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Tiền lương và tiền thưởng của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng được chi trả theo quy chế lương, thưởng của Công ty.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ giữa Công ty với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan / Công nợ	31/12/2012	01/01/2012
Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát		
Phải trả tiền thù lao và khen thưởng (xem thuyết minh IV.17)	109.974.492	46.694.845

2. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Công cụ tài chính chủ yếu của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư tài chính, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản vay ngân hàng, các khoản phải trả cho người bán và phải trả khác phát sinh trực tiếp từ các hoạt động kinh doanh.

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro về tính thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty xem xét và thống nhất áp dụng những chính sách quản lý cho những rủi ro nêu trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá trị trường. Giá trị trường bao gồm các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ (rủi ro ngoại hối), rủi ro hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Các công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản vay và nợ với lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, trên cơ sở đó, Công ty dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính công như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại để có được mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại hối

Rủi ro ngoại hối là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty ít chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty do các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại Công ty chủ yếu bằng đồng Việt Nam (VND).

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động của Công ty. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường nhằm quản lý thời điểm, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lớn với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về mặt tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình là tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách bán hàng, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu của khách hàng chưa được thu và tìm cách duy trì chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện việc xem xét sự suy giảm chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều đối tượng khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty duy trì tiền gửi ngân hàng tại các ngân hàng lớn ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng tiền gửi ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức tập trung độ rủi ro tín dụng đối tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA
Xã Diên Tân - Huyện Diên Khánh - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012
Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Công ty cho là đủ để đáp ứng nhu cầu cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa chiết khấu:

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2012				
Các khoản vay và nợ	-	5.907.051.000	-	5.907.051.000
Phải trả người bán	6.693.490.562	-	-	6.693.490.562
Chi phí phải trả	283.020.218	-	-	283.020.218
Các khoản phải trả khác	180.933.499	5.075.794.144	-	5.256.727.643
	7.157.444.279	10.982.845.144	-	18.140.289.423
Tại ngày 31/12/2012				
Các khoản vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán	7.353.734.845	-	-	7.353.734.845
Chi phí phải trả	632.114.012	-	-	632.114.012
Các khoản phải trả khác	262.030.275	5.159.190.344	-	5.421.220.619
	8.247.879.132	5.159.190.344	-	13.407.069.476

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là không lớn. Công ty có đủ khả năng thanh toán cho các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền được tạo ra từ hoạt động kinh doanh và tiền thu hồi các tài sản tài chính khi đáo hạn.

3. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính trong Báo cáo tài chính của Công ty:

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2012		01/01/2012		31/12/2012	01/01/2012
	Nguyên giá	Dự phòng	Nguyên giá	Dự phòng		
Tiền gửi ngắn hạn	12.400.000.000	-	8.100.000.000	-	12.400.000.000	8.100.000.000
Tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn	21.042.969.560	-	11.895.928.998	-	21.042.969.560	11.895.928.998
Phải thu khách hàng	3.754.021.254	(838.565.460)	3.952.164.969	(840.835.831)	2.915.455.794	3.111.329.138
Phải thu khác	525.357.440	-	357.321.718	-	525.357.440	357.321.718
Cộng	37.722.348.254	(838.565.460)	24.305.415.685	(840.835.831)	36.883.782.794	23.464.579.854

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2012	01/01/2012	31/12/2012	01/01/2012
	Các khoản vay và nợ	-	5.907.051.000	-
Phải trả người bán	7.353.734.845	6.693.490.562	7.353.734.845	6.693.490.562
Chi phí phải trả	632.114.012	283.020.218	632.114.012	283.020.218
Các khoản phải trả khác	5.421.220.619	5.256.727.643	5.421.220.619	5.256.727.643
Cộng	13.407.069.476	18.140.289.423	13.407.069.476	18.140.289.423

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA
Xã Diên Tân - Huyện Diên Khánh - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012
Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích thuyết minh trên Báo cáo tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, các khoản phải thu khác, các khoản phải trả người bán và các khoản nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý các khoản phải thu khách hàng được Công ty đánh giá dựa trên các thông tin về khả năng trả nợ của từng khách hàng. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đánh giá giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- Các khoản vay ngân hàng và các khoản nợ phải trả tài chính khác mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các khoản vay ngân hàng và các khoản nợ phải trả tài chính khác này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Khánh Hòa, ngày 15 tháng 3 năm 2013



Nguyễn Văn Trung
Kế toán trưởng



Phạm Đình Khương
Chủ tịch Hội đồng quản trị